

Các yếu tố và hoạt động chính trong khám phá nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông: Nghiên cứu phân tích mạng lưới

Ngô Thanh Thủy*¹, Lương Đình Hải²

* Tác giả liên hệ

¹ Email: thuyngothanh@vnies.edu.vn

² Email: luongdinhhai@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,

Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Nghiên cứu về hành động khám phá nghề nghiệp có vai trò quan trọng trong việc cá nhân đưa ra quyết định nghề nghiệp cho bản thân. Tuy nhiên, nghiên cứu tiếp cận theo phương pháp phân tích mạng lưới vẫn chưa được nhiều nhà nghiên cứu trong nước thực hiện. Bằng cách sử dụng phương pháp phân tích mạng lưới, kết quả phân tích chỉ ra rằng, trong nhóm các yếu tố thuộc về hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh thì yếu tố tự khám phá bản thân đóng vai trò quan trọng nhất. Học sinh thực hiện các hoạt động khám phá nghề nghiệp có sự khác biệt theo khu vực và vùng miền. Học sinh ở nông thôn và thành phố có mức độ quan tâm khác nhau tới các hoạt động khám phá môi trường, thu thập thông tin nghề nghiệp liên quan. Học sinh ở khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam dành sự quan tâm khác nhau trong các hoạt động cụ thể như thu thập thông tin nghề, tham gia chương trình hướng nghiệp, lập kế hoạch nghề nghiệp và hoạt động trải nghiệm. Kết quả này là nguồn thông tin tham khảo hữu ích cho giáo viên, cán bộ tư vấn học đường và các nhà quản lý giáo dục trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông.

TỪ KHÓA: Hoạt động khám phá nghề nghiệp, học sinh, trung học phổ thông, phân tích mạng lưới, hướng nghiệp.

→ Nhận bài 08/6/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 28/6/2024 → Duyệt đăng 20/8/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410806>

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng, hành động khám phá nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển nghề nghiệp của cá nhân nói chung, đóng vai trò là yếu tố quan trọng tới hành động quyết định nghề nghiệp (career decision - making). Hành động khám phá nghề nghiệp ngày càng được hoàn thiện về khái niệm, được tiếp cận theo quan điểm cho rằng, là quá trình hành vi phức tạp của cá nhân trong việc nỗ lực nâng cao năng lực nhận thức của mình về bản thân và môi trường xung quanh nhằm chiếm lĩnh một mục đích nghề nghiệp cụ thể nào đó [1], [2]. Một trong những học thuyết ban đầu về hành động khám phá nghề nghiệp (career exploration) được phát triển bởi Gordon. Cấu trúc của hành động này bao gồm việc thu thập thông tin về nghề nghiệp, lập kế hoạch nghề nghiệp, cơ hội việc làm và các lựa chọn nghề nghiệp cho cá nhân [3]. Hành động này của cá nhân có mối quan hệ biện chứng với những hành động có liên quan tới nghề nghiệp khác như trao đổi với những người xung quanh về các cơ hội nghề nghiệp, học tập những năng lực, khả năng phù hợp với nghề nghiệp và nâng cao các chứng chỉ hoặc tham gia các khóa học tập

nhằm đáp ứng nghề nghiệp mà cá nhân kì vọng.

Quá trình học sinh định hướng nghề nghiệp cho bản thân phải trải qua các giai đoạn khác nhau, trong đó hoạt động khám phá nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng nhằm hiện thực hóa sự lựa chọn nghề nghiệp của bản thân. Một số nhà nghiên cứu khác khám phá ra rằng, thông qua các hoạt động như tìm kiếm việc làm thông qua đào tạo nghề nghiệp, chuẩn bị sẵn sàng, trả lời các quảng cáo và phỏng vấn nghề... giúp cho cá nhân có nhiều cơ hội được tuyển dụng hơn. Đồng thời, họ cũng chỉ ra rằng, con người càng cố gắng duy trì tìm kiếm việc làm, viết đơn xin phỏng vấn nghề nghiệp thì cơ hội thành công và đạt được sự thỏa mãn trong công việc tốt hơn so với những người chưa thực hiện những hoạt động đó [4]. Blustein tin tưởng rằng, động lực để cá nhân khám phá nghề nghiệp phù hợp với bản thân hầu hết đều có bản chất và phát triển một cách tự nhiên từ các yếu tố nội tại bên trong mỗi người như sự tò mò, khả năng tự quyết định và nhu cầu cá nhân. Nếu một cá nhân không được trang bị các nguồn lực phù hợp, không có được sự động viên hoặc động lực cụ thể thì những nhiệm vụ khám phá nghề nghiệp rất có thể sẽ không được thực hiện hoặc thực

hiện một cách không hiệu quả [1]. Nói cách khác, khi cá nhân tìm được liên kết giữa các nhu cầu cá nhân, mong muốn của cá nhân, giá trị và động lực trong việc tìm kiếm việc làm, nó sẽ giúp cá nhân làm phong phú thêm các kinh nghiệm học tập nghề nghiệp. Do đó, mỗi cá nhân có xu hướng khám phá nghề nghiệp nhằm đáp ứng với những động lực bên trong. Những động lực bên trong này được phát triển khi toàn bộ các giai đoạn trong quá trình khám phá nghề nghiệp có ý nghĩa đối với đời sống của cá nhân đó.

Tiếp nối những nghiên cứu của Blustein, các nhà tâm lý học nghiên cứu về hành động của cá nhân sẵn sàng với việc tham gia vào các lĩnh vực nghề nghiệp ngoài xã hội. Tác giả Stumpf đã thiết kế bảng hỏi hành động khám phá nghề nghiệp (CES - R - Career Exploration Survey - Revised) đã được kiểm chứng qua nhiều các nghiên cứu trên thực tiễn khác nhau về độ tin cậy và cấu trúc của bảng hỏi [5]. Ông đã tìm hiểu hành động khám phá nghề nghiệp thông qua các yếu tố thuộc về nhận thức, hành động và các yếu tố ảnh hưởng tới hành động sẵn sàng nghề nghiệp. Trong đó, ông nhấn mạnh tới các yếu tố trong hành động sẵn sàng nghề nghiệp của học sinh, bao gồm ba khía cạnh cụ thể: Khám phá về môi trường (Environment exploration), khám phá bản thân (Self-exploration) và khám phá theo cấu trúc hệ thống bên trong (Intended-systematic exploration). Đây là quá trình phức tạp của cá nhân trong nỗ lực tìm kiếm và cố gắng đưa ra những quyết định nghề nghiệp cho bản thân. Hành động khám phá nghề nghiệp đòi hỏi cá nhân phải thực hiện một loạt hoạt động cụ thể như: tìm kiếm thông tin, thu thập các kiến thức nghề nghiệp, xây dựng kế hoạch, tạo cơ hội cho bản thân trải nghiệm nghề nghiệp, trò chuyện với những người làm nghề để nắm bắt rõ những năng lực cần có, thái độ, kỹ năng và trình độ giáo dục phù hợp.

Thực trạng hành động khám phá các giá trị nghề nghiệp cho thấy, nữ học sinh thực hiện hành động khám phá các điều kiện cần thiết để lựa chọn giá trị nghề nghiệp phù hợp với bản thân, gia đình và xã hội. Nghiên cứu tiếp cận dưới góc độ giới gần đây cho thấy, học sinh nam tham gia các hành động khám phá nghề nghiệp thường xuyên hơn so với học sinh nữ [6]. Các nhà nghiên cứu lý giải rằng, việc tham gia vào những hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh nam cao hơn là do các em nhận thức được các rào cản nghề nghiệp và mong muốn tìm kiếm được nhiều cơ hội trong xã hội hơn so với học sinh nữ [7], [8]. Bên cạnh đó, nam giới thường được cho là ít chịu tác động từ các yếu tố khách quan hơn so với nữ giới. Học sinh nam có xu hướng phụ thuộc hoặc tham gia vào các nhóm hoạt động tập thể (như nhóm thể thao, câu lạc bộ...). Trong khi đó, học sinh nữ có xu hướng phụ thuộc và chịu tác động từ các mối quan hệ xã hội hơn (như nhóm bạn, mối quan

hệ gia đình) [9], [10]. Do vậy, mức độ ảnh hưởng từ các mối quan hệ khác khiến cho nữ học sinh ít cam kết hoặc ít thực hiện các hành động khám phá các giá trị nghề nghiệp một cách chủ động hơn. Học sinh nữ Việt Nam thường được gia đình định hướng cho những nghề nghiệp phù hợp với vai trò của các em theo quan niệm truyền thống của người Việt Nam coi trọng vai trò của gia đình, cộng đồng và đặt các giá trị này cao hơn sự phát triển của bản thân. Do vậy, các em có mức độ chủ động trong các hành động khám phá giá trị nghề nghiệp ở mức độ vừa phải và chủ yếu chuẩn bị các điều kiện để lựa chọn giá trị nghề nghiệp phù hợp. Kết quả này có ý nghĩa trong việc phát triển giáo dục nghề nghiệp theo giới tính của học sinh ở nhà trường phổ thông.

Nghiên cứu về hành động khám phá nghề nghiệp đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và khẳng định vai trò quan trọng của nó tới việc chủ thể đưa ra quyết định nghề nghiệp cho bản thân. Tuy nhiên, nghiên cứu tiếp cận theo phương pháp phân tích mạng lưới chưa được thực hiện nhiều. Nghiên cứu trước đây đã chỉ ra các yếu tố liên quan đến hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào xác định đâu là yếu tố quan trọng, có tính quyết định đến hoạt động khám phá nghề nghiệp của các em. Tiếp nối nghiên cứu Ngô Thanh Thủy (2022), chúng tôi áp dụng phương pháp phân tích mạng lưới (network analysis) đối với dữ liệu đã công bố nhằm chỉ ra đâu là các yếu tố và các hoạt động tác động nhiều nhất đến hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông, đồng thời chỉ ra sự khác nhau về các yếu tố và hoạt động giữa các nhóm học sinh theo khu vực và vùng miền của các em.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng bộ dữ liệu thứ cấp, được phân tích và công bố theo nghiên cứu của Ngô Thanh Thủy (2022) [11]. Sau khi thực hiện phân tích nhân tố khám phá, bộ công cụ 22 biến quan sát được phân thành bốn yếu tố, đó là: Tự khám phá bản thân (04 biến quan sát); Khám phá theo hệ thống bên trong (06 biến quan sát); Khám phá môi trường (07 biến quan sát); Khám phá các điều kiện (05 biến quan sát) (xem Bảng 1). Giá trị của các biến quan sát được thu thập theo thang đo Likert năm mức độ, với mức 1 là Hoàn toàn không phù hợp và mức 5 là Hoàn toàn phù hợp. Bộ dữ liệu chứa thông tin trả lời của 552 học sinh phổ thông, đặc điểm các đối tượng tham gia khảo sát được mô tả ở Bảng 2.

Chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích mạng lưới để trả lời các câu hỏi nghiên cứu đề ra ở trên. Phương pháp này dựa trên lý thuyết đồ thị, được biểu diễn bởi hai thành phần là các điểm tròn (node) và đường nối giữa hai điểm tròn bất kỳ (link) [12]. Một trong các

Bảng 1: Danh sách cách yếu tố và các hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông

Mã	Nội dung
F01	Khám phá môi trường
F01.05	Tham gia các chương trình hướng nghiệp khác nhau.
F01.14	Tham gia vào các cơ hội thực tập, thực hành, thực địa hoặc các cơ hội tình nguyện trong lĩnh vực nghề nghiệp mà mình quan tâm.
F01.15	Tham gia thực hành phỏng vấn.
F01.17	Tới Trung tâm tư vấn hướng nghiệp trong trường để được hướng dẫn hoặc/và khám phá các lựa chọn nghề nghiệp của mình.
F01.19	Gửi hồ sơ tới nhà tuyển dụng và/hoặc đăng hồ sơ trực tuyến.
F01.20	Tham gia hội chợ nghề nghiệp hoặc phỏng vấn với nhà tuyển dụng trong trường.
F01.21	Viết và/hoặc gửi thư hỏi thăm hoặc gọi điện thoại cho các nhà tuyển dụng tiềm năng để liên hệ việc làm.
F02	Khám phá theo hệ thống bên trong
F02.06	Thu thập thông tin về công việc hoặc các công ty cụ thể.
F02.07	Thu thập các thông tin về xu hướng việc làm, tiền lương và các cơ hội việc làm nói chung trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình.
F02.08	Tìm hiểu thông tin về các lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể mà mình quan tâm.
F02.09	Xem xét quá khứ để phù hợp với nghề nghiệp tương lai.
F02.10	Tập trung suy nghĩ của mình như thể mình là người có liên quan tới chính sự nghiệp của mình.
F02.18	Thu thập thông tin nghề nghiệp thông qua mạng xã hội.
F03	Khám phá các điều kiện
F03.22	Nói chuyện với gia đình, bạn bè hoặc cộng đồng về các lời khuyên nghề nghiệp.
F03.24	Thực hiện các môn học liên quan tới nghề nghiệp mà bạn quan tâm.
F03.26	Suy nghĩ nghề nào là tốt nhất với mình.
F03.27	Suy nghĩ chuyên môn của mình phù hợp như thế nào với mục đích nghề nghiệp.
F03.28	Lập kế hoạch nghề nghiệp cho tương lai.
F04	Tự khám phá bản thân
F04.01	Thử nghiệm với các hoạt động nghề nghiệp khác nhau.
F04.02	Nắm bắt cơ hội để thể hiện kĩ năng.
F04.03	Thử các vai trò công việc khác nhau để xem bản thân có thích hay không.
F04.04	Khảo sát các khả năng nghề nghiệp.

Bảng 2: Đặc điểm của đối tượng tham gia khảo sát

Mã	Nội dung	Tần suất	Phần trăm
Vung_mien	Vùng miền	552	100.00
Mien Bac	Miền Bắc	103	18.66
Mien Nam	Miền Nam	305	55.25
Mien Trung	Miền Trung	144	26.09
Khu_vuc	Khu vực	552	100.00
Nong thon	Nông thôn	383	69.38
Thanh pho	Thành phố	169	30.62

thế mạnh của phương pháp này là xác định những yếu tố quan trọng trong mạng lưới theo các chỉ số trung tâm (Centrality indices) của từng yếu tố. Trong nghiên cứu này, chúng tôi có hai chỉ số để xác định các yếu

tố tác động nhiều nhất đến các hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông, gồm Betweenness, Closeness (hai chỉ số xác định mức độ trung tâm của các điểm tròn).

Dữ liệu được mã hóa lại trước khi thực hiện phân tích mạng lưới. Chúng tôi chuyển giá trị theo thang đo Likert 5 mức độ phù hợp thành giá trị nhị phân. Giá trị 1 đến 3 ở thang đo Likert được mã hóa giá trị 0 với nội hàm đây không phải là hoạt động quan trọng đối với người trả lời. Giá trị 4 và 5 ở thang Likert được mã hòa giá trị 1, cho thấy đây là hoạt động quan trọng của học sinh đối với hoạt động khám phá nghề nghiệp của mình. Giá trị của bốn yếu tố được tính dựa trên các giá trị của các hoạt động liên quan. Chúng tôi sử dụng phần mềm thống kê JASP (<https://jasp-stats.org>) phân tích mạng lưới các yếu tố và những hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông.

2.2. Kết quả nghiên cứu

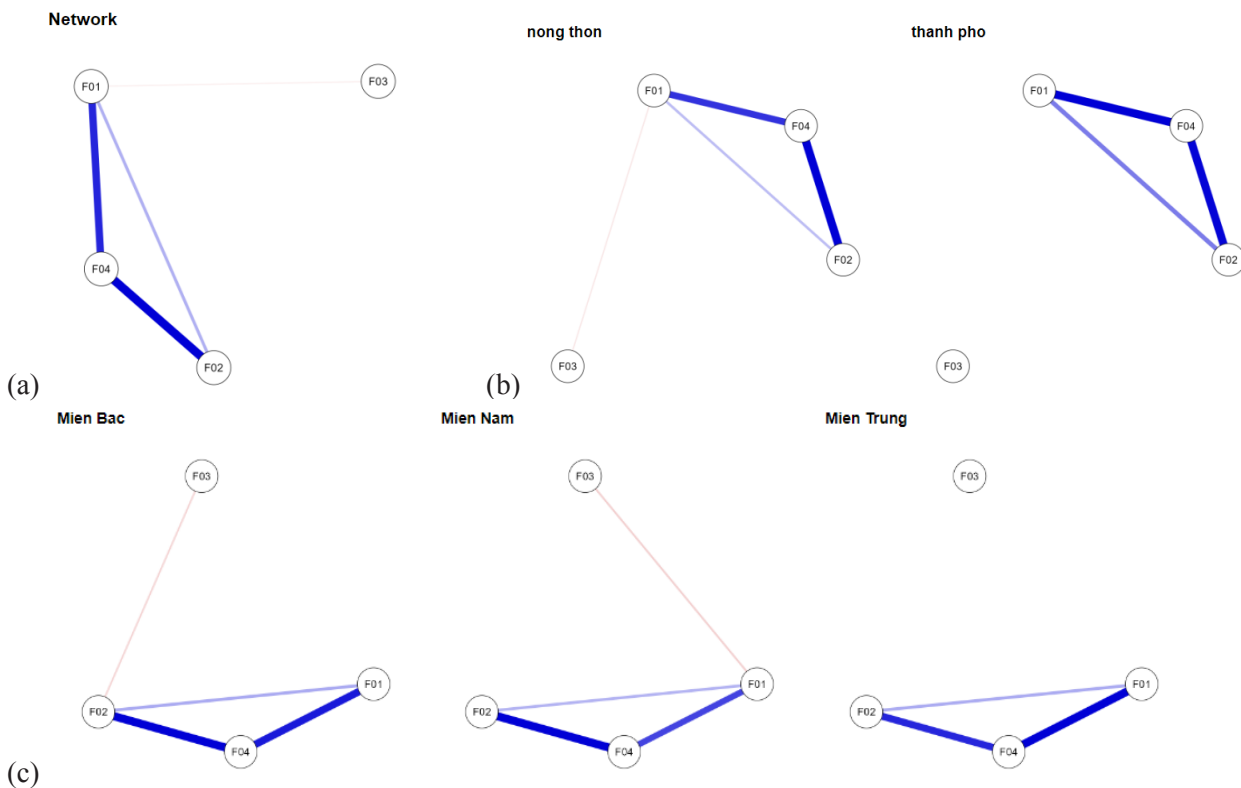
2.2.1. Các yếu tố khám phá nghề nghiệp

Các yếu tố khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông ở các khu vực và vùng miền khác nhau có đặc trưng khác nhau. Hình 1 biểu diễn mạng lưới liên kết của bốn yếu tố khám phá nghề nghiệp của các em. Trong đó: Hình 1(a) trình bày mạng lưới tổng thể; Hình 1(b) trình bày mạng lưới theo khu vực; Hình 1(c) trình bày mạng lưới theo vùng miền. Về tổng thể, ba yếu tố: Khám phá môi trường (F01); Khám phá theo hệ thống bên trong (F02); Tự khám phá bản thân (F04) có mối liên hệ chặt chẽ với nhau với trung tâm là F04. Yếu tố Khám phá các điều kiện (F03) chỉ có liên kết yếu với F01, ngoài ra không có liên kết nào khác. Khi so sánh nhóm học sinh ở khu vực nông thôn và nhóm học sinh ở khu vực thành phố, có hai điểm khác nhau giữa hai nhóm. Đó là không có mối liên hệ giữa yếu tố F03 trong mạng lưới các yếu tố của học sinh thành phố, liên kết giữa yếu tố F01 và F02 của nhóm học sinh ở thành phố là chặt chẽ hơn so với nhóm học sinh ở nông thôn. Đối với các nhóm học sinh theo vùng miền, ba yếu tố F01, F02 và F04 có vai trò tương đồng trong mạng lưới của từng nhóm. Tuy nhiên, vai trò của yếu tố F03 trong mạng lưới là khác nhau. Yếu tố F03 chỉ liên kết yếu với yếu tố F01, đối với nhóm học sinh ở miền Bắc chỉ liên kết với yếu tố F01, đối với nhóm học sinh ở miền Nam và

không có mối liên nào với các yếu tố còn lại đối với nhóm học sinh ở miền Trung.

Chúng tôi sử dụng chỉ số Closeness để xác định các yếu tố quan trọng mạng lưới các yếu tố khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông. Bảng 3 biểu diễn kết quả phân tích chỉ số Closeness của các yếu tố này về tổng thể cũng như theo đặc điểm khu vực và vùng miền của các em. Giá trị Closeness càng cao thì yếu tố càng gần trung tâm. Điều đó có nghĩa là yếu tố đó càng quan trọng. Có một điểm lưu ý là do yếu tố F03 không liên kết với bất kỳ yếu tố nào khác đối với nhóm học sinh ở thành phố và nhóm học sinh ở miền Trung nên giá trị Closeness của yếu tố này không được tính toán và được biểu diễn giá trị 0 như ở Bảng 3. Mặc dù các trường hợp này không có giá trị để so sánh nhưng dựa vào vị trí và mức độ liên kết giữa các yếu tố, chúng ta có thể thấy rằng yếu tố F04 đóng vai trò quan trọng nhất trong các mạng lưới này.

Về tổng thể, yếu tố F01 và F04 là yếu tố quan trọng nhất khi khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông, giá trị $Closeness(F01) = Closeness(F04) = 0.606$. Hai yếu tố này cũng đóng vai trò tương tự trong khám phá nghề nghiệp của học sinh ở khu vực nông thôn ($Closeness(F01) = Closeness(F04) = 0.632$) và học sinh ở khu vực miền Nam ($Closeness(F01) = Closeness(F04) = 0.705$). Đối với nhóm học sinh ở miền Bắc, hai



(Chú thích: F01: Khám phá môi trường; F02: Khám phá theo hệ thống bên trong; F03: Khám phá các điều kiện; F04: Tự khám phá bản thân)

Hình 1: Kết quả phân tích mạng lưới các yếu tố về hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông

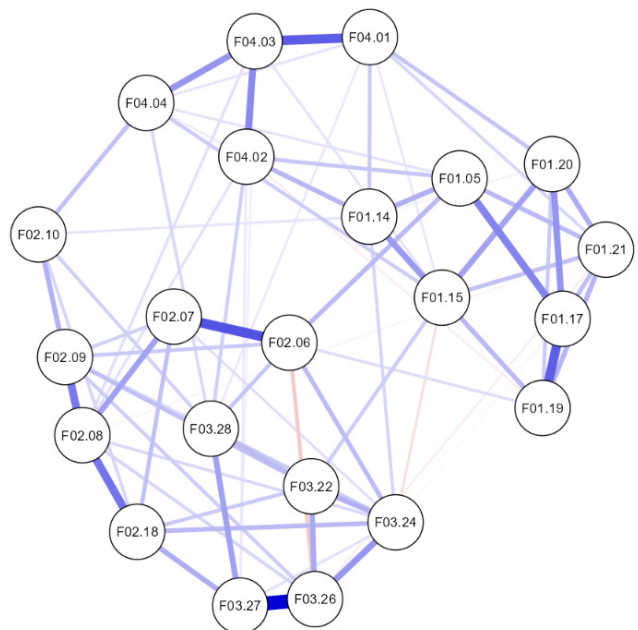
yếu tố quan trọng là F02 và F04, giá trị Closeness(F02) = Closeness (F04) = 0.709.

Nhìn chung, ba yếu tố F01, F02 và F04 đóng vai trò chính trong khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông, trong đó yếu tố F04 là quan trọng nhất. Vị trí và vai trò của yếu tố F03 trong mạng lưới tạo nên sự đặc trưng của các nhóm học sinh phổ thông theo khu vực và vùng miền. Kết quả này cho thấy, học sinh muốn tự khám phá bản thân đóng vai trò quan trọng trong quá trình khám phá thế giới nghề nghiệp. Yếu tố khám phá các điều kiện nhằm đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp của bản thân có sự khác biệt theo vùng miền, trong đó miền Bắc và miền Nam có mối liên kết với các yếu tố thuộc về môi trường và các yếu tố thuộc về nội dung bên trong của bản thân học sinh. Tuy nhiên, học sinh ở miền Trung không quan tâm tới yếu tố này trong quá trình khám phá nghề nghiệp phù hợp với bản thân trong tương lai. Tương tự, học sinh ở khu vực nông thôn có sự quan tâm tới các điều kiện để khám phá nghề nghiệp có thể tác động tới môi trường nghề nghiệp phù hợp nhưng học sinh ở khu vực thành phố chủ yếu quan tâm tới mối quan hệ giữa việc khám phá môi trường, khám phá theo hệ thống bên trong và tự khám phá bản thân (xem Bảng 3).

2.2.2. Các hoạt động khám phá nghề nghiệp

Mạng lưới các hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông được biểu diễn ở Hình 2. Vị trí của các hoạt động trong mạng lưới thể hiện mức độ quan trọng của nó. Điểm tròn càng gần trung tâm mạng lưới thì càng có vai trò quan trọng, điểm tròn càng ở ngoài rìa mạng lưới thì vai trò càng yếu. Giá trị Closeness của từng hoạt động tổng thể và theo đặc điểm khu vực, vùng miền được mô tả ở Bảng 4. Về tổng thể, các hoạt động quan trọng đối với khám phá nghề nghiệp được xác định là F01.05 (Closeness = 1.397), F01.14 (Closeness = 0.826), F02.06 (Closeness = 1.634), F03.28 (Closeness = 0.851), F04.02 (Closeness = 1.871). Trong các nội dung được mô tả trong quá trình học sinh khám phá thế giới nghề nghiệp, những hoạt động được liệt kê có vai trò quan trọng bao gồm: Tham gia các chương trình

hướng nghiệp khác nhau; Tham gia vào các cơ hội thực tập, thực địa hoặc các cơ hội tình nguyện trong lĩnh vực nghề nghiệp mà mình quan tâm; Thu thập thông tin về công việc hoặc các công ti cụ thể; lập kế hoạch nghề nghiệp cho tương lai; nắm bắt cơ hội để thể hiện kỹ năng. Các hoạt động này đóng vai trò quan trọng giúp cho học sinh tham gia được các hoạt động trải nghiệm và tự khám phá những năng lực của bản thân phù hợp với nghề nghiệp trong tương lai. Các chương trình hướng nghiệp giúp học sinh hình dung cụ thể về công việc trong tương lai theo mô tả về kỹ năng, thái độ và các chứng chỉ/văn bằng cần thiết. Bên cạnh đó, việc tham quan hoặc được thực sự tham gia vào một công việc cụ thể đem đến những trải nghiệm nghề nghiệp cụ thể, từ đó học sinh so sánh được giữa nguyện vọng của bản thân với thực tế công việc trong xã hội. Học sinh sẽ hình thành mục tiêu nghề nghiệp cụ thể, có kế hoạch nghề nghiệp theo các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn phù hợp để chiếm lĩnh nghề nghiệp trong tương lai. Dựa trên cơ sở đó, học sinh có động lực để



Hình 2: Kết quả phân tích mạng lưới các hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông

Bảng 3: Kết quả phân tích giá trị Closeness của các yếu tố khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông theo vùng miền và khu vực

Mã	Khu vực		Vùng miền			Tổng
	Nông thôn	Thành phố	Miền Bắc	Miền Nam	Miền Trung	
F01	0.632	0	-0.006	0.705	0	0.606
F02	0.205	0	0.709	0.006	0	0.27
F03	-1.469	0	-1.412	-1.416	0	-1.481
F04	0.632	0	0.709	0.705	0	0.606

nắm bắt các cơ hội thực hành nghề nghiệp phù hợp với tính chất cụ thể của nghề mà các em cho là thích hợp với bản thân.

Theo đặc điểm khu vực, có sự khác nhau trong các hoạt động chính đối với khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông. Các hoạt động chính của học sinh phổ thông ở nông thôn là F01.05 (Closeness = 1.674), F02.06 (Closeness = 1.377), F02.07 (Closeness = 1.068), F03.26 (Closeness = 1.304), F03.27 (Closeness = 1.508) và F04.02 (Closeness = 1.077). Các hoạt động chính đối với học sinh phổ thông ở thành phố là F01.14 (Closeness = 1.184), F01.15 (Closeness = 1.431), F02.06 (Closeness = 1.658), F02.07 (Closeness = 1.446), F02.08 (Closeness = 1.154). Như vậy, học sinh phổ thông ở nông thôn khám phá nghề nghiệp ở các hoạt động ở bốn yếu tố, trong khi học sinh phổ thông ở thành phố chỉ tập trung một số hoạt động ở yếu tố F01 và F02. Kết quả này có ý nghĩa về sự khác biệt theo sự phát triển về kinh tế, xã hội ở các khu vực khác nhau. Mặc dù học sinh ở khu vực thành phố và nông thôn đều quan tâm tới hoạt động thu thập thông tin về công việc hoặc các công ti cụ thể và thu thập các thông tin về xu hướng việc làm, tiền lương và các cơ hội việc làm nói chung trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình những vẫn có những điểm khác biệt có ý nghĩa thống kê. Học sinh ở nông thôn mong muốn được tham các chương trình hướng nghiệp khác nhau và tư duy về những ưu thế của bản thân và mong muốn có cơ hội để thể hiện kỹ năng. Trong khi đó, học sinh ở thành phố quan tâm tới việc tham gia thực hành phỏng vấn, nắm bắt các thông tin về thu nhập, loại công ti, xu hướng việc làm và các thông tin hỗ trợ khác. Sự

khác biệt này xuất phát từ việc học sinh ở thành phố có nhiều cơ hội được thực hành, thực địa ở một số lĩnh vực mà các em quan tâm, còn học sinh ở khu vực nông thôn bị hạn chế hơn, chủ yếu được thực hành qua các cơ hội trải nghiệm ở địa phương.

Theo đặc điểm vùng miền, có sự khác nhau trong các hoạt động chính đối với khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông. Học sinh phổ thông ở miền Bắc tập trung hai hoạt động chính thuộc yếu tố F02, gồm F02.06 (Closeness = 1.793) và F02.07 (Closeness = 1.999). Học sinh phổ thông ở miền Nam quan tâm đến ba hoạt động ở ba yếu tố khác nhau, F01.05 (Closeness = 1.525), F02.06 (Closeness = 1.068) và F03.28 (Closeness = 2.491). Học sinh phổ thông ở miền Trung hướng đến ba hoạt động thuộc nhóm F01 và F02, bao gồm F01.14 (Closeness = 1.252), F02.06 (Closeness = 1.593) và F02.07 (Closeness = 1.432). Dù có sự khác nhau trong những hoạt động chính khám phá nghề nghiệp giữa các nhóm học sinh theo vùng miền nhưng cả ba nhóm này đều có một điểm chung là chưa thực sự quan tâm đến hoạt động thuộc yếu tố về hoạt động tự khám phá bản thân. Trong khi đó, hoạt động này có vai trò quan trọng trong quá trình học sinh tự khám phá thế giới nghề nghiệp. Có thể thấy, học sinh miền Bắc quan tâm hơn tới việc thu thập thông tin về công việc, xu hướng việc làm, tiền lương và các cơ hội việc làm. Trong khi đó, học sinh miền Nam quan tâm tới thu thập thông tin nghề qua các chương trình hướng nghiệp và lập kế hoạch nghề nghiệp của bản thân. Học sinh miền Trung quan tâm tới được trải nghiệm thực tế và nắm bắt các thông tin nghề cũng như xu hướng nghề nghiệp (xem Bảng 4).

Bảng 4: Kết quả phân tích giá trị Closeness của các hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh phổ thông theo vùng miền và khu vực

Mã	Khu vực		Vùng miền			Tổng
	Nông thôn	Thành phố	Miền Bắc	Miền Nam	Miền Trung	
F01: Khám phá môi trường						
F01.05	1.674	0.875	0.783	1.525	0.849	1.397
F01.14	-0.255	1.184	-1.19	-0.23	1.252	0.826
F01.15	-1.389	1.431	-0.55	-0.371	-0.135	0.121
F01.17	0.276	-0.281	0.366	-0.163	-1.258	-0.21
F01.19	-0.783	0.546	-2.231	-0.302	-0.377	-1.072
F01.20	-1.157	-0.751	0.522	-1.194	-1.206	-0.936
F01.21	-0.891	-0.47	-0.817	-1.557	-1.087	-1.904
F02: Khám phá theo hệ thống bên trong						
F02.06	1.377	1.658	1.793	1.068	1.593	1.634
F02.07	1.068	1.446	1.999	0.024	1.432	0.402
F02.08	0.61	1.154	0.685	0.697	0.39	0.693

Mã	Khu vực		Vùng miền			Tổng
	Nông thôn	Thành phố	Miền Bắc	Miền Nam	Miền Trung	
F02.09	-0.625	-0.329	0.01	0.151	-1.297	-0.273
F02.10	-1.424	-1.411	-0.013	-1.606	-0.93	-1.837
F02.18	0.287	0.728	0.821	-0.115	0.286	-0.122
F03: Khám phá các điều kiện						
F03.22	-0.676	-0.65	-0.252	0.583	-1.377	0.179
F03.24	-0.275	0.439	0.787	0.416	0.252	-0.081
F03.26	1.304	-1.142	-1.391	0.457	0.696	0.07
F03.27	1.508	-0.666	-0.887	0.787	0.237	-0.01
F03.28	0.398	-0.481	-0.431	2.491	-0.745	0.851
F04: Tự khám phá bản thân						
F04.01	-0.996	-0.273	0.421	-1.151	0.859	-0.887
F04.02	1.077	-0.493	0.251	0.145	0.729	1.871
F04.03	-0.41	-0.644	-0.024	-0.762	1.065	0.181
F04.04	-0.698	-1.87	-0.652	-0.894	-1.228	-0.892

3. Kết luận

Dựa trên các phương pháp phân tích mạng lưới đối với dữ liệu thứ cấp, kết quả chỉ ra sự khác nhau về các yếu tố quan trọng trong hoạt động khám phá nghề nghiệp và sự khác nhau giữa các yếu tố và hoạt động của các nhóm học sinh theo khu vực và vùng miền. Trong số những yếu tố thuộc hoạt động khám phá nghề nghiệp của học sinh, các em đánh giá cao những yếu tố thuộc về khám phá môi trường, khám phá theo hệ thống bên trong và tự khám phá bản thân. Trong đó, yếu tố thuộc về tự khám phá bản thân là quan trọng nhất. Đánh giá về vai trò của các hoạt động này, học sinh có các yếu tố đặc thù theo khu vực và theo vùng miền. Học sinh ở miền Trung không có mối liên kết giữa các yếu tố môi trường và các yếu tố thuộc về nội dung bên trong của bản thân. Học sinh ở khu vực nông thôn quan tâm tới các điều kiện để khám phá nghề nghiệp tác động

tới môi trường nghề nghiệp phù hợp. Học sinh ở khu vực thành phố chủ yếu quan tâm tới mối quan hệ giữa việc khám phá môi trường, khám phá theo hệ thống bên trong và tự khám phá bản thân. Phân tích theo mạng lưới những hoạt động thành phần trong các nhóm nội dung thuộc hoạt động khám phá nghề nghiệp được liệt kê cho thấy học sinh quan tâm tới việc thu thập thông tin và trải nghiệm bản thân trong các hoạt động thực tế, có sự khác biệt về khu vực và vùng miền. Trong khi học sinh ở thành phố quan tâm nhiều hơn tới các hoạt động trải nghiệm thì học sinh ở nông thôn cố gắng nắm bắt các cơ hội thực hành kỹ năng và thu thập thông tin. Bên cạnh đó, học sinh miền Nam quan tâm tới thu thập thông tin nghề qua các chương trình hướng nghiệp và lập kế hoạch nghề nghiệp của bản thân còn học sinh miền Trung quan tâm tới trải nghiệm thực tế và nắm bắt các thông tin nghề cũng như xu hướng nghề nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Blustein D. L, (1997), *A context-rich perspective of career exploration across the life roles*, Career Development Quarterly, vol. 45, no. 3, pp. 260–274, doi: 10.1002/j.2161-0045.1997.tb00470.x.
- [2] Suzanne C. Kobasa, Stephen Kahn, and Salvatore R. Maddi, (1982), *Hardiness and Health: A Prospective Study*, Journal of Personality and Social Psychology, vol.42, no.1, pp.168–177.
- [3] Hermawan, R. and Farozin M, (2018), *The role of career exploration in career decision participants*, COUNS-EDU: The International Journal of Counseling and Education, vol.3, no.4, p.126, doi: 10.23916/0020180315640.
- [4] Jepsen D. A. and Dickson G. L, (2003), *Continuity in life-span career development: Career exploration as a precursor to career establishment*, Career Development Quarterly, vol. 51, no. 3, pp. 217–233, doi: 10.1002/j.2161-0045.2003.tb00603.x.
- [5] Shin, S., Lee, J. K., & Ha, M, (2017), *Influence of career motivation on science learning in Korean high-school students*, Eurasia Journal of Mathematics, Science and Technology Education, 13(5), 1517-1538.
- [6] Chen, S., Chen, H., Ling, H., & Gu, X, (2021), *How do students become good workers? Investigating the impact of gender and school on the relationship between career decision-making self-efficacy and career exploration*, Sustainability, 13(14), 7876.
- [7] An, H.; Lee, S.-H, (2017), *Career exploration behavior*

- of Korean medical students, *Korean J. Med. Educ.*, 29, 175–185.
- [8] Holloway-Friesen, H. (2018), *Acculturation, Enculturation, Gender, and College Environment on Perceived Career Barriers Among Latino/a College Students*, *J. Career*, 45, 117–131.
- [9] Hardin, E. E., & Leong, F. T. L. (2004), *Psychometric evaluation of the decision making inventory: Gender differences and implications for career assessment*, *Journal of Career Assessment*, 12, 51–64.
- [10] Hardin, E. E., Varghese, F. P., Tran, U. V., & Carlson, A. Z. (2006), *Anxiety and career exploration: Gender differences in the role of self-construal*, *Journal of Vocational Behavior*, 69(2), 346–358.
- [11] Ngô Thanh Thủy, (2022), *Hành động khám phá nghề nghiệp của nữ sinh trung học phổ thông: Nghiên cứu dựa trên thang đo CES-R tại Việt Nam*, *Tạp chí Giáo dục*, 22(21), tr.39–45, <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/583>.
- [12] Bondy, J. A., & Murty, U. S. R. (1976). *Graph theory with applications* (Vol. 290), London: Macmillan

FACTORS AND ACTIVITIES IN CAREER EXPLORATION OF HIGH SCHOOL STUDENTS: A NETWORK ANALYSIS STUDY

Ngô Thanh Thủy*¹, Lương Đình Hải²

* Corresponding author

¹ Email: thuynghoanh@vnies.edu.vn

² Email: luongdinhhai@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao street, Hoan Kiem district,
Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: Career exploration action research has been found to play an important role in individuals making career decisions for themselves. However, research using the network analysis method is still largely undone. Using the network analysis method, the analysis results show that the self-discovery factor plays the most important role in the group of factors belonging to students' career exploration activities. Students undertake career exploration activities that vary by region. Students in rural and urban areas have different levels of interest in activities to explore the environment and gather career - related information. Students in the Northern, Central, and Southern regions also pay distinct attention to specific activities such as collecting career information, participating in career guidance programs, career planning, and experiential activities. This result is a useful source of reference information for teachers, school counselors, and educational managers in implementing vocational education activities in high schools.

KEYWORDS: Career exploration, students, high school, network analysis, career orientation.